

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 07/2018 – ĐV**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ**

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐỨC VIỆT**

Địa chỉ : Thôn Liêu Hạ - Xã Tân Lập - Huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 0221.3970 229/ 30

Fax : 0221.3970 231

Email : [info@ducvietfoods.vn](mailto:info@ducvietfoods.vn)

Mã số : 0900214029

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 11/2018/NNPTNT-0321

Ngày cấp: 30/5/2018 thay thế giấy chứng nhận số 182/2016, ngày 05/01/2016.

**II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM**

Sản phẩm: **Cá Viên**

Xuất xứ: Việt Nam

***Thành phần:***

Thịt cá basa, đường, muối, nước mắm, tỏi, đậm đặc nành, tinh bột biến tính, tinh bột bắp, chất điều vị ( E621), chất điều chỉnh độ axit (E262i), chất nhũ hóa (E450i, E451i) , chất chống oxy hóa (E300, E301) và hương thực phẩm.

***Thời hạn sử dụng sản phẩm***

***Hướng dẫn bảo quản***

Hạn sử dụng 12 tháng tính từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ bảo quản từ -18°C đến -22°C.

***Hướng dẫn sử dụng***

Khi mua về bảo quản ngay trong ngăn đá tủ lạnh. Trước khi chế biến cần rã đông tự nhiên hoàn toàn

Sản phẩm có thể: Chiên, rán, hấp, luộc, sốt cà chua, ăn lẩu, nấu canh, chế biến tùy ý,....

***Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì***

Khối lượng tịnh của các túi bao gói: 200g/ túi, 500g/ túi, 1kg/ túi, 2 kg/ túi.

Sản phẩm được bao gói hút chân không trong túi nilon PA/ PE

**III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM ( đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

#### IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

- Luật số 55/2010/QH12 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2010 (luật an toàn thực phẩm).
- Nghị định 15/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2015 (hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm).
- Quyết định số 46/QĐ – BYT ban hành ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế (quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm).
- QCVN 8-3:2012/BYT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm).
- QCVN 8-2:2011 (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm).
- Nghị định số 43/2017/NĐ - CP ban hành ngày 14 tháng 04 năm 2017 về nhãn hàng hóa,
- Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn nghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

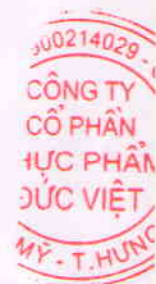
Hưng Yên, ngày 12 tháng 06 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐỨC VIỆT



*[Signature]*

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
CHO NAM IL**



## Phụ lục 01 : DỰ THẢO TEM NHÃN

| Cá viên                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thành phần:</b><br>Thịt cá basa, đường, muối, nước mắm, tỏi, đậu nành, tinh bột biến tính, tinh bột bắp, chất điều vị (E621), chất điều chỉnh độ axit (E262i), chất nhũ hóa (E450i, E451i), chất chống oxy hóa (E300, E301) và hương thực phẩm. | <b>Ingredients:</b><br>Basa fish, sugar, salt, fish sauce, garlic, soy protein, modified starch, corn starch, taste regulator (E621), acidity regulators (E262i), emulsifiers (E450i, E451i), antioxidant (E300, E301) and food flavor.                                                 |
| <b>Chỉ tiêu chất lượng</b><br>Protein: $\geq 10\%$                                                                                                                                                                                                 | <b>Nutrition Facts:</b><br>Protein: $\geq 10\%$                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Hướng dẫn sử dụng:</b><br>Khi mua về bảo quản ngay trong ngăn đá tủ lạnh. Trước khi chế biến cần rã đông tự nhiên hoàn toàn.<br>Sản phẩm có thể: Chiên, rán, hấp, luộc, sốt cà chua, ăn lẩu, nấu canh, chế biến tùy ý,....                      | <b>Preparation:</b><br><i>When purchased, please store the product in the freezer. Before preparing the product, defrost completely naturally.</i><br><i>Products can be: deep fried, fried, steamed, boiled, prepared with tomato sauce, hot pot, soup, or other preparations, ...</i> |
| <b>Bảo quản:</b><br>Hạn sử dụng 12 tháng tính từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ bảo quản từ $-18^{\circ}\text{C}$ đến $-22^{\circ}\text{C}$ .                                                                                              | <b>Preservation:</b><br><i>Shelf life is 12 months from the date of manufacture under conditions of storage at a temperature between <math>-18^{\circ}\text{C}</math> and <math>-22^{\circ}\text{C}</math>.</i>                                                                         |
| <b>Số tự công bố QĐ ATTP: 07 /2018- ĐV</b>                                                                                                                                                                                                         | <b>Internal food safety certificate: 07 / 2018- ĐV</b>                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>Hạn sử dụng:</b> Xem trên bao bì                                                                                                                                                                                                                | <b>Best before:</b> See packaging                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>Khối lượng tịnh:</b><br>Sản xuất tại:                                                                                                                                                                                                           | <b>Net weight:</b><br>Produced at:                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>Công ty CP thực phẩm Đức Việt</b>                                                                                                                                                                                                               | <b>Duc Viet Food Joint Stock Company</b>                                                                                                                                                                                                                                                |
| Địa chỉ: Liêu Hạ - Tân Lập - Yên Mỹ - Hưng Yên                                                                                                                                                                                                     | Address: Liêu Hạ - Tân Lập - Yên Mỹ - Hưng Yên                                                                                                                                                                                                                                          |
| Tel: 0221.3970229/30 – Fax: 0221.3970231                                                                                                                                                                                                           | Tel: 0221.3970229/30 - Fax: 0221.3970231                                                                                                                                                                                                                                                |
| Website: <a href="http://www.ducvietfoods.vn">www.ducvietfoods.vn</a>                                                                                                                                                                              | Website: <a href="http://www.ducvietfoods.vn">www.ducvietfoods.vn</a>                                                                                                                                                                                                                   |



VILAS 492



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 231-1/Labo XNATVSTP

Tên mẫu/Name of Sample: Cá viên

Mã số/Code: 0518231-1

Số lượng mẫu/Quantity: 01 mẫu

Tình trạng mẫu/Conditional keeping: Mẫu đóng gói kín, bảo quản lạnh

Người/Đơn vị gửi mẫu/Customer: Công ty cổ phần Thực phẩm Đức Việt

Địa chỉ/ Add: Thôn Liêu Hạ, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Ngày gửi mẫu/Date of receiving : 24/05/2018

Thời gian kiểm nghiệm/ Testing time: Từ 24/05/2018 đến ngày 6/06/2018

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM (Test Result)

| TT  | Chỉ tiêu(Specification)    | Đơn vị<br>(Unit) | Phương pháp<br>(Test method) | Kết quả<br>(Result) |
|-----|----------------------------|------------------|------------------------------|---------------------|
| 1.  | pH                         | -                | TCVN 6492:2011               | 6,4                 |
| 2.  | Độ ẩm                      | %                | HPPI 3500                    | 65,0                |
| 3.  | Hàm lượng protein*         | g/100g           | AOAC 981:10                  | 12,0                |
| 4.  | Hàm lượng Lipid*           | g/100g           | TCVN 4592:88                 | 15,0                |
| 5.  | Hàm lượng muối             | %                | TCVN 4591:88                 | 1,3                 |
| 6.  | Hàm lượng NH <sub>3</sub>  | mg/100g          | TCVN 3706:90                 | 3,4                 |
| 7.  | Định tính H <sub>2</sub> S | -                | TCVN3699:90                  | Âm tính             |
| 8.  | Hàm lượng Nitrit           | mg/kg            | H.HDQT.176                   | KPH                 |
| 9.  | Chì                        | mg/kg            | AAS-H.HDQT.056               | KPH                 |
| 10. | Cadimi                     | mg/kg            | AAS-H.HDQT.051               | KPH                 |
| 11. | Thủy ngân                  | mg/kg            | AAS-H.HDQT.057               | KPH                 |
| 12. | Tổng số Ecoli*             | CFU/g            | TCVN 7924-2: 2008            | KPH                 |

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.

3. Chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.

4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.



|     |                                           |       |                  |                   |
|-----|-------------------------------------------|-------|------------------|-------------------|
| 13. | Tổng số vi khuẩn hiếu khí*                | CFU/g | TCVN 4884:2005   | $1,0 \times 10^2$ |
| 14. | Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g | TCVN 4991:2005   | KPH               |
| 15. | Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> * | CFU/g | TCVN 4830-1:2005 | KPH               |
| 16. | Phát hiện <i>Salmonella</i> *             | /25g  | TCVN 4829:2005   | KPH               |
| 17. | Phát hiện <i>Vibrio parahaemolyticus</i>  | /25g  | TCVN 7905-1:2008 | KPH               |

KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

Hải Dương, ngày 6 tháng 06 năm 2018

Labo XNATVSTP



ThS. Hoàng Thị Thu Huyền

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**TS. Trần Quang Cảnh**

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.